TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn
Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Văn An
Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơ, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh 1977. (có mặt)
Bị đơn: Anh Lê Văn V, sinh 1972.(vắng mặt)
HKTT: khu phố S, phường C, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị M trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn V vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Khê (nay là phường Châu Khê). Trước khi kết hôn anh chị không được tìm hiểu nhau mà quen biết nhau qua người nhà giới thiệu nhưng việc kết hồn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh V làm dâu, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại Song Tháp, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh V không muốn cho chị quản lý kinh tế gia đình, anh V luôn nghĩ chị buôn bán hàng đa cấp mất hết tiền nên vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát, anh V còn mắng chửi, xúc phạm chị. Từ sau khi sinh con thứ ba năm 2014 thì vợ chồng không quan hệ tình cảm, không nói chuyện với nhau và cũng không quan

tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, chị đề nghị được ly hôn anh V.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn Q, sinh năm 1998; Lê Quang D, sinh năm 2000 và Lê Diệp A, sinh ngày 22/12/2014. Các cháu Quang, Duy đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tâm thần nên chị không có yêu cầu gì. Chị yêu cầu được nuôi cháu Diệp Anh, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh V trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị M về điều kiện, thời điểm kết hôn và chung sống là đúng. Quá trình chung sống đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về quản lý kinh tế gia đình, chị M có kinh doanh bán hàng đa cấp và bị thua lỗ nên anh có mắng chửi chị M, vợ chồng không quan hệ tình cảm đến nay đã khoảng 4-5 năm. Anh cũng đã xin lỗi chị M nhưng chị M vẫn không rút đơn để vợ chồng chung sống. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý do thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Trường hợp, chị M kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh xác nhận lời trình bày của chị M về con chung là đúng. Trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để chị M nuôi cháu Diệp A, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết. Các cháu Q, D đều đã trưởng thành nên anh cũng không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của bị đơn chưa đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Xử: cho chị M được hôn với anh V.

Con chung: giao cháu Lê Diệp Anh sinh ngày 22/12/2014 cho chị M nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, trích chia công sức đóng góp: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Bị đơn là anh V đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Lê Văn V và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là " Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con" , theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V có Hộ khẩu và hiện cư trú tại Khu phố Song Tháp, phường C, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Lê Văn V đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc quản lý kinh tế gia đình, trước đây chị M có bán hàng đa cấp và bị thua lỗ nên anh V không cho chị M quản lý kinh tế gia đình và thường mắng chửi, xúc phạm chị. Mặc dù, vợ chồng vẫn sống chung nhưng đã không quan hệ tình cảm đến nay khoảng 4-5 năm, không ăn cơm sinh hoạt cùng nhau, không quan tâm đến nhau, việc ai người đấy làm.

Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định chị M, anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh V là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị M, anh V đều xác định vợ chồng có 03 con chung Lê Văn Q, sinh năm 1998; Lê Quang D, sinh năm 2000 và Lê Diệp A, sinh ngày 22/12/2014. Các cháu Quang, Duy đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tâm thần nên chị M, anh V không có yêu cầu gì. Chị M yêu cầu được nuôi cháu Diệp Anh, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi cháu Diệp Anh, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M có công việc, thu nhập đảm bảo nuôi con, anh V cũng đồng ý để chị M nuôi cháu Diệp Anh nên cần giao cháu Diệp Anh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị M, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Lê Văn V.

Về con chung: Giao cháu Lê Diệp A, sinh ngày 22/12/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0002255 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Châu Khê,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn